

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

#### 1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |                       |
|---|--|-----------------------|
| 1.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, cấp điện, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. | Tổ chức đầy đủ, hợp lý khả thi và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng   | <b>Đạt</b>            |
|   | Tổ chức hợp lý khả thi và phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình xây dựng nhưng chưa thật đầy đủ                                    | <b>Chấp nhận được</b> |
|   | Tổ chức không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình xây dựng.                                 | <b>Không đạt</b>      |
| 1.2. Giải pháp trắc địa để định vị các hạng mục công trình, kiểm soát trong quá trình thi công.   | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, khả thi và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng  | <b>Đạt</b>            |
|   | Giải pháp không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình xây dựng                                | <b>Không đạt</b>      |
| 1.3. Giải pháp tổ chức thi công và trình tự thi công  | Đề xuất giải pháp tổ chức thi công tổng thể các hạng mục công trình đầy đủ, hợp lý khả thi và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng | <b>Đạt</b>            |
|   | Không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng   | <b>Không đạt</b>      |
| <b>Kết luận</b>   | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 1.1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được                           | <b>Đạt</b>            |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b>      |

#### 2. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |                  |
|--|--|------------------|
| 2.1. Thời gian thi công  | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 360 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. | <b>Đạt</b>       |
|  | Đề xuất thời gian thi công vượt quá 360 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.       | <b>Không đạt</b> |
| 2.2. Tính phù hợp: Có biểu đồ tiến độ thi công chi tiết các hạng mục, các công tác thi công phù hợp với quy mô | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng   | <b>Không đạt</b> |

|   |  |                  |
|---|--|------------------|
| công trình. Có biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị thi công, cung ứng vật tư đầy đủ, chi tiết, hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật, tiến độ thi công. |  |                  |
| <b>Kết luận</b>   | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.        | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | <b>Không đạt</b> |

**3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|--|--|------------------|
| Hệ thống tổ chức quản lý từ công ty đến hiện trường bao gồm: Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn...Các tổ đội thi công. | Có sơ đồ và thuyết minh hợp lý trong đó quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn các bộ phận, cá nhân. | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng   | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

**4. Biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|--|--|------------------|
| <b>A) Bảo đảm chất lượng</b>   |  |                  |
| 4.1. Quản lý chất lượng trong quá trình thi công: Có biện pháp bảo đảm chất lượng cho các công tác thi công yêu cầu tại Mục 5.3.   | Có đề xuất biện pháp bảo đảm chất lượng đầy đủ cho các công tác, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và tiêu chuẩn thi công nghiệm thu áp dụng và hiện trạng công trình xây dựng | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng   | <b>Không đạt</b> |
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công<br><br>- Có kế hoạch tổ chức thí nghiệm đối với các vật tư, vật liệu chủ yếu đầu vào quy định tại Mục 3.2 Phần II Chương V của E-HSMT. | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng   | <b>Không đạt</b> |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biện pháp bảo quản vật liệu trong quá trình lưu kho.</li> <li>- Biện pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng vật liệu và nghiệm thu trước khi đưa vào thi công</li> </ul>   |   |                  |
| <p>4.3. Biện pháp bảo quản vật tư, thiết bị, công trình khi mưa bão</p>   | Có biện pháp cụ thể, rõ ràng  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không đề xuất hoặc đề xuất không đủ   | <b>Không đạt</b> |
| <p>4.4. Sửa chữa, khắc phục các tồn tại, khiếm khuyết trong thi công</p>  | Có đề xuất biện pháp khắc phục, sửa chữa hư hỏng trong quá trình thi công và trong thời gian bảo hành cụ thể, rõ ràng | <b>Đạt</b>       |
|   | Không đề xuất hoặc đề xuất không đủ   | <b>Không đạt</b> |
| <b>B) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;</b>   |   |                  |
| <p><b>4.5. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường phải được thể hiện đầy đủ các nội dung sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</li> <li>- Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường trong quá trình thi công xây dựng.</li> <li>- Có các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công đảm bảo không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, trong quá trình thi công xây dựng.</li> <li>- Có biện pháp kiểm soát nước thải các loại, rác thải các loại trên công trường.</li> </ul> | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường đáp ứng đầy đủ theo các nội dung yêu cầu.                                     | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ theo các nội dung yêu cầu.           | <b>Không đạt</b> |
| <p><b>4.6. Biện pháp an toàn lao động trong quá trình thi công:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công việc thi công:</li> </ul>   | Có biện pháp an toàn lao động đáp ứng đầy đủ theo các nội dung yêu cầu.   | <b>Đạt</b>       |
|   | - Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ theo các nội dung yêu cầu.                   | <b>Không đạt</b> |

|   |  |   |
|---|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án đảm bảo an toàn lao động đối với dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, vị trí đặt các biển báo an toàn lao động tại công trường.</li> <li>- Biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường.</li> <li>- Phương án ứng phó xử lý với tình huống khẩn cấp có liên quan.</li> <li>- Phương án bảo vệ an ninh công trường, quản lý nhân lực, thiết bị.</li> </ul> |  |   |
| <p><b>4.7. Biện pháp phòng cháy chữa cháy phải được thể hiện đầy đủ các nội dung sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</li> <li>- Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.</li> </ul>  | <p>Có biện pháp phòng cháy chữa cháy đáp ứng đầy đủ theo các nội dung yêu cầu.</p> <hr/> <p>Không có biện pháp phòng cháy chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy chữa cháy nhưng không đáp ứng đầy đủ theo các nội dung yêu cầu.</p> | <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p> <hr/> <p style="text-align: center;"><b>Không đạt</b></p> |
| <p><b>Kết luận</b></p>  | <p>Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</p>   | <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p>   |
|   | <p>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>  | <p style="text-align: center;"><b>Không đạt</b></p>   |

**5. Các yếu tố thân thiện môi trường gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác:**

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |   |
|--|--|---|
| <p>5.1. Các vật tư, thiết bị chính sử dụng trong công trình theo yêu cầu tại Mục 3.2 Phần II Chương V của E-HSMT</p> | <p>Có bảng kê đầy đủ danh mục vật liệu sử dụng cho công trình nêu rõ thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, mã hiệu (nếu có), tiêu chuẩn áp dụng (nếu có), khối lượng dự kiến đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V E-HSMT và Hồ sơ</p> | <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p> |

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
|  | <p>thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các loại vật liệu: Bê tông thương phẩm, gạch xi măng, cát các loại, đá các loại, cấp phối đá dăm, xi măng, thép cốt bê tông, bê tông nhựa có thoả thuận hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp (có tài liệu chứng minh nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có đủ năng lực để cung cấp cho gói thầu).</li> <li>- Đối với nắp ga gang, lưới sợi thủy tinh, ống HDPE, dây cáp điện, thiết bị điện, đèn chiếu sáng, cột đèn các loại có tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật phù hợp hoặc catalogue của nhà sản xuất (có tài liệu chứng minh nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có đủ năng lực để cung cấp cho gói thầu).</li> <li>- Có cam kết cung cấp các loại vật tư, vật liệu khác đáp ứng yêu cầu thiết kế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan hiện hành và có cam kết đệ trình mẫu vật tư vật liệu từ thông số kỹ thuật, xuất xứ, hãng sản xuất để Chủ đầu tư duyệt trước khi đưa vào thi công.</li> </ul> |                  |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên.   | <b>Không đạt</b> |
| 5.2. Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng   | Nhà thầu có phòng thí nghiệm đạt chuẩn hoặc có hợp đồng nguyên tắc thí nghiệm vật liệu với đơn vị có đủ năng lực thực hiện thí nghiệm cho gói thầu (kèm theo đầy đủ bản chụp chứng thực các tài liệu sau: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm xây dựng và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được chứng thực).  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên.   | <b>Không đạt</b> |
| 5.3. Biện pháp tổ chức thi công:<br><i>Đề xuất biện pháp chi tiết, cụ thể, rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với hồ sơ thiết kế, điều kiện thi công, trình tự thi công, tiêu chuẩn kỹ thuật thi công, cho các công tác thi công cụ thể chi tiết tại Mẫu số 01. Bảng kê hạng mục công việc tại Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu</i> | Đề xuất đầy đủ, (Thuyết minh và bản vẽ), chi tiết, phù hợp và khả thi với tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên.   | <b>Không đạt</b> |

|                 |  |                  |
|-----------------|--|------------------|
| <b>Kết luận</b> | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt         | <b>Đạt</b>       |
|                 | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | <b>Không đạt</b> |

**6. Bảo hành và Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| <b>6.1. Bảo hành</b>  |   |                  |
| Thời gian bảo hành 12 tháng.  | Đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng và có cam kết sẽ thực hiện ngay công tác sửa chữa, khắc phục sự cố trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo trong thời hạn bảo hành. | <b>Đạt</b>       |
|   | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng hoặc không có cam kết đáp ứng yêu cầu  | <b>Không đạt</b> |
| <b>6.2. Uy tín của nhà thầu</b>   |   |                  |
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Có cam kết về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có cam kết về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT.

Nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong E-HSMT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. E-HSMT của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng.